

Bản án số: 36/2019/HNGĐ - ST
Ngày 19-11-2019
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn H ngày 18-7-2019 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn thì anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và cãi chửi nhau nhiều lần nên hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới theo phong tục, chị và anh H chưa chung sống vợ chồng với nhau ngày nào. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị với anh H là do tính tình hai người không hợp nhau, hay nghi ngờ nhau trong quan hệ tình cảm. Từ mâu thuẫn giữa chị

với anh H kéo theo mâu thuẫn của gia đình bố mẹ hai bên, hai gia đình liên tục cãi, chửi nhau và quyết định hủy việc tổ chức lễ cưới của anh chị. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh H không có, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn H.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Phạm Văn H trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và hai bên gia đình hủy việc tổ chức lễ cưới theo phong tục giữa anh với chị Nguyễn Thị T đúng như chị T đã trình bày. Nay chị T xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị T vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương để anh chị cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Chị T và anh H thống nhất xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Chị T và anh H thống nhất xác định không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, đất nông nghiệp: Chị T, anh H thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; riêng anh H chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H là hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn với nhau ngày 18-7-2019 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau khi đăng ký kết hôn, do anh chị cũng như bố mẹ hai bên gia đình xảy ra mâu thuẫn căng thẳng nên hai gia đình hủy hôn, không tổ chức

lễ cưới theo phong tục cho anh chị nên anh chị chưa chung sống vợ chồng với nhau ngày nào. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh H không có, không thể tiến tới hôn nhân để chung sống vợ chồng được nữa, chị kiên quyết xin ly hôn anh H. Còn anh H mặc dù không đồng ý ly hôn chị T nhưng anh cũng xác định do anh và chị T cũng như bố mẹ hai bên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng nên hai bên gia đình đã hủy hôn, không tổ chức lễ cưới cho anh và chị T nữa, bản thân anh mặc dù không muốn ly hôn nhưng anh cũng không đưa ra được biện pháp gì để có thể chung sống vợ chồng với chị T. Theo xác minh tại địa phương, chị T và anh H sau khi đăng ký kết hôn, trong thời gian chờ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị nghi ngờ nhau trong quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến hai bên gia đình cũng xảy ra mâu thuẫn, liên tục xô xát, cãi chửi nhau và quyết định hủy hôn nên anh chị chưa chung sống với nhau ngày nào. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H cũng như mâu thuẫn giữa gia đình bố mẹ hai bên của anh chị đã diễn ra căng thẳng, gay gắt. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho chị T được ly hôn anh H là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị T và anh H chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về con riêng; tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp*: Chị T và anh H cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn H.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001621 ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. (Chị T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

